

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép
xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết
một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng
dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
106/2021/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức
thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu,
nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp
giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
b) Tổ chức thu lệ phí: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng;
c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp và quản lý lệ phí
cấp giấy phép xây dựng.

Điều 2. Đối tượng, trường hợp miễn lệ phí

1. Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách

mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn do ảnh hưởng của quy hoạch; tổ chức, cá nhân thuộc diện tái định cư do bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng; tổ chức, cá nhân di dời nhà ở do thiên tai.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Cấp giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, di dời, giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (trừ nhà ở riêng lẻ).	Đồng/giấy phép	100.000
2	Cấp giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, di dời, giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ.	Đồng/giấy phép	50.000
3	Điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.	Đồng/lần	10.000

2. Thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến là không đồng áp dụng theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu phí, lệ phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Thu, nộp và quản lý lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu lệ phí của tổ chức thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Nộp lệ phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu lệ phí.

2. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết và nội dung sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Mục II Phần B Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV
- Lưu: VT, Cthđnd_(Dtlg).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy